

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17/3/2023
Về: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Kim Đắc
2. Ông Đặng Ngọc Thập

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trường Danh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 41/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST - HNGĐ, ngày 02 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1996.

- Bị đơn: Anh Tạ Ngọc H, sinh năm 1992.

Cùng có địa chỉ: Thôn TH, xã QT, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự trình bày:

1. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Tạ Ngọc H tự nguyện xác lập đời sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/4/2018 tại UBND xã QT, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng với gia đình anh H tại thôn TH, xã QT, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên

thường hay cãi vã; anh H có Hnh vi chửi bới, xúc phạm và có lần đánh đập chị D, cuộc sống chung không hạnh phúc. Khoảng giữa tháng 11/2022, do lo sợ anh H đánh đập, xúc phạm nên chị D về sống cùng với gia đình chị tại thôn Dùi Chiêng, xã Phước Ninh, huyện Nông Sơn cho đến hiện nay, điều đó được anh H đồng ý. Nay chị D cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết để chị được ly hôn anh Tạ Ngọc H.

- Về con chung: Vợ chồng chị D và anh H có một con chung là Tạ Ngọc Huy, sinh ngày 11/8/2018. Chị D trình bày, sau khi sinh con và hết thời gian ở cữ tại nH ngoại, cháu Huy về sống cùng vợ chồng anh H, chị D tại gia đình anh H từ đó cho đến nay. Hiện tại cháu Huy đang đi học mẫu giáo tại thôn TH, xã QT, huyện Nông Sơn nhưng trong quá trình lấy lời khai, hòa giải để giải quyết vụ án thì chị D trình bày chị không biết cháu Huy học ở trường nào. Việc đưa đón cháu Huy đến trường chủ yếu do ba, mẹ anh H thực hiện. Khi ly hôn chị D có nguyện vọng được nuôi con; chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, chị D trình bày hiện tại vợ chồng không có nợ chung.

2. Bị đơn Tạ Ngọc H thống nhất với những lời trình bày của chị Nguyễn Thị D về quá trình chung sống vợ chồng, kết hôn, có con chung và những mâu thuẫn hiện nay của vợ chồng.

- Về quan hệ hôn nhân, anh H thừa nhận, sau khi chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2018, vợ chồng sống cùng với gia đình anh tại thôn TH, xã QT, huyện Nông Sơn nhưng đời sống vợ chồng không được hạnh phúc do phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng có cãi vã nhau, vì chuyện học Hnh của con và vì chị D có nói những lời xúc phạm đến anh H. Anh có đôi lần đánh chị D, lần gần đây nhất là vào tháng 11/2022. Khoảng tháng 11/2022, cha của chị D có đến nói với anh H và gia đình anh để cho chị D được về ở bốn, năm ngày cùng với ba mẹ chị D tại thôn Dùi Chiêng, xã Phước Ninh cho chị D bớt căng thẳng thần kinh. Tuy nhiên, từ đó cho đến nay, chị D ở hẳn trên đó cùng với ba mẹ chị, không về sống cùng với anh H và cháu Huy cùng với gia đình anh H nữa. Tết vừa rồi anh H có đưa cháu Huy về thăm mẹ cùng với ông bà ngoại của cháu. Hiện tại, cháu Huy đang theo học tại Trường mẫu giáo Hoa Hướng Dương tại thôn TH, xã QT, huyện Nông Sơn. Do trường gần nH nên ông bà nội của cháu Huy đưa đón cháu đi học trong những lúc anh đi làm. Nay chị D yêu cầu ly hôn anh H, anh H không đồng ý ly hôn, anh H có nguyện vọng muốn vợ chồng đoàn tụ để tiếp tục chung sống và cùng chăm sóc con.

- Về con chung, nếu chị D vẫn cương quyết ly hôn, anh H có nguyện vọng được nuôi con là cháu Tạ Ngọc Huy, sinh ngày 11/8/2018 đến khi tHnh niên, vì theo anh H, cháu Huy sống cùng với anh và ông bà nội của cháu từ nhỏ đến bây giờ. Anh H không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, anh H trình bày, hiện tại vợ chồng không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự thống nhất với việc giao nộp, tiếp cận, công khai các tài liệu, chứng cứ được thu thập, có trong hồ sơ vụ án của Tòa án và việc công bố tài liệu chứng cứ tại phiên tòa. Về tài liệu, chứng cứ thể hiện tình trạng, mức độ bệnh tật của chị Nguyễn Thị D và việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ liên quan đến tình trạng, mức độ bệnh tật, Sổ chứng nhận sức khỏe tâm thần của chị D theo yêu cầu của Viện Kiểm sát, quá trình ghi lời khai, hòa giải và tại phiên tòa, anh H trình bày chị D bị bệnh động kinh nên anh không thể giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D thừa nhận mình bị bệnh động kinh nhưng ở thể nhẹ, chỉ ở mức nhức đầu. Trước đây, chị có dùng thuốc theo chỉ định của bác sỹ để phòng ngừa bệnh tái phát và cũng đã được cơ quan chuyên môn cấp Sổ chứng nhận sức khỏe về tâm thần. Tuy nhiên, khoảng hơn một năm nay, do không thấy các biểu hiện triệu chứng của bệnh động kinh xuất hiện nên chị D không còn dùng thuốc để phòng bệnh, Sổ chứng nhận sức khỏe về tâm thần của chị D, vì thế cũng không còn dùng đến nên đã thất lạc và chị D không có Sổ để cung cấp cho Tòa án. Anh H thống nhất với những lời trình bày của chị D; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, không có đương sự nào yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu giám định về sức khỏe, tâm thần của chị Nguyễn Thị D.

Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án. Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất đoàn tụ vợ chồng để tiếp tục chung sống và xây dựng gia đình hạnh phúc; chị Nguyễn Thị D kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết để chị được ly hôn anh Tạ Ngọc H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn tham gia phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự là trễ hạn so với quy định nên cần khắc phục.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị D về quan hệ hôn nhân, để cho chị D được ly hôn anh H; về con chung, đề nghị giao con chung là cháu Tạ Ngọc Huy, sinh ngày 11/8/2018 cho anh H nuôi dưỡng đến khi thành niên. Về tài sản chung và nợ chung, chị D và anh H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị D khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con, với anh Tạ Ngọc H, sinh năm 1992, trú tại thôn TH, xã QT, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo đó, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là Ly hôn, tranh chấp nuôi con, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Tạ ngọc H xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/4/2018 tại UBND xã QT, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; việc chung sống và đăng ký kết hôn của họ là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Quyên và anh Tịnh là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị D và anh H sống cùng với gia đình anh H tại thôn TH, xã QT, huyện Nông Sơn. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo các bên thừa nhận là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi vã nhau về chuyện học hành của con, chị D và anh H đều có những lời nói, hành động xúc phạm đến nhau và anh H có đôi lần đánh đập, bạo lực đối với chị D. Từ khoảng tháng 11/2022 đến nay, chị D không còn chung sống với anh H, cháu Huy và gia đình anh H mà về sống cùng với ba mẹ chị tại thôn Dúi Chiêng, xã Phước Ninh, huyện Nông Sơn. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chị D và anh H có nhiều mâu thuẫn không tự giải quyết được; Tòa án đã hòa giải nhiều lần để họ đoàn tụ nhưng không thành; cả hai đều vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng và có hành vi bạo lực gia đình làm cho tình trạng hôn nhân của họ trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị D kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết để chị được ly hôn anh H. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D về quan hệ hôn nhân, để cho chị D được ly hôn với anh Tạ Ngọc H.

[2.2]. Về con chung:

[2.2.1] Về người trực tiếp nuôi con:

- Xét điều kiện, khả năng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của chị D và anh H thì thấy:

Tại thời điểm giải quyết vụ án, theo các đương sự trình bày, anh Tạ Ngọc H làm lao động phổ thông ngành xây dựng, mức thu nhập trung bình khoảng

11.000.000 đồng/tháng; chị Nguyễn Thị D đang làm công nhân kiểm Hng tại công ty TNHH may mặc Hưng Nông (địa chỉ: Thôn Phước Bình, xã Sơn Viên, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam), mức thu nhập hằng tháng khoảng 8.000.000 đồng. Do đó, cả hai đều được xác định là có lao động để tạo ra thu nhập hợp pháp.

Anh H cho rằng chị D bị bệnh động kinh và được chị D thừa nhận; anh H thống nhất với lời trình bày của chị D về tình trạng bệnh động kinh hiện nay của chị D; sự thừa nhận đó của các đương sự phù hợp với nguyên tắc chứng minh trong tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận chị D từng mắc bệnh động kinh với trình trạng, mức độ bệnh trước đây và hiện nay như chị D đã trình bày, đồng thời thấy rằng tình trạng bệnh hiện nay của chị D đã được các đương sự thừa nhận không ảnh hưởng đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị D sau khi ly hôn. Mặt khác, tại thời điểm giải quyết vụ án, chị D và anh H đều không bị hạn chế quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Và, do đó, cả hai đều được xác định là có khả năng để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con sau khi ly hôn.

- Xét thực tế quá trình trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tính đến trước thời điểm xét xử vụ án thì thấy rằng: Tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện: Sau khi kết hôn vào năm 2018, vợ chồng chị D và anh H sống cùng với gia đình anh H tại thôn TH, xã QT, huyện Nông Sơn và cả hai đều thực hiện việc trông nom, chăm sóc con chung là cháu Tạ Ngọc Huy; khi vợ chồng bận việc thì cháu Huy được gửi cho ông bà nội của cháu trông nom hộ và đưa đón cháu đi học; từ khoảng tháng 11 năm 2022 đến nay, khi chị D bỏ về sống cùng với gia đình chị tại thôn Dùi Chiêng, xã Phước Ninh, huyện Nông Sơn, theo chị trình bày là do mâu thuẫn vợ chồng thì cháu Huy do anh H và ông bà nội của cháu trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, đưa đón cháu đi học. Chị D chỉ biết cháu Huy đang học mẫu giáo nhưng không biết cháu học trường nào thể hiện sự quan tâm chưa đúng, chưa đầy đủ trong việc thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dạy con. Thực tế đó, một mặt thể hiện, anh H thường xuyên thực hiện nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Huy từ khi cháu chào đời cho đến nay; mặt khác, thể hiện cháu Huy chưa một lần trực tiếp sống riêng với chị D hoặc với người thân trong gia đình như: cha, mẹ của chị D.

- Xét về việc đảm bảo các nhu cầu thiết yếu và các điều kiện khác cho sự phát triển, hoàn thiện về thể chất, tinh thần và nhận thức của cháu Huy thì thấy:

Cháu Tạ Ngọc Huy, sinh ngày 11/8/2018, theo như anh H trình bày và được chị D thống nhất, hiện đang học mẫu giáo tại Trường mẫu giáo Hoa Hướng Dương (thuộc thôn TH, xã QT, huyện Nông Sơn). Cũng như bao cháu nhỏ khác, cháu Huy đang trong giai đoạn phát triển, hoàn thiện về thể chất, tâm thần, nhận thức; có các nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám chữa bệnh và các nhu cầu sinh hoạt thông thường khác phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục, tập quán tại địa phương như: Nhu cầu được chăm sóc, phục vụ cho các sinh hoạt cá nhân của trẻ nhỏ; nhu cầu được đưa đón đến trường, các đảm bảo cần thiết về

khám, chữa bệnh, ... Do đó, việc giao cháu Huy cho cha hoặc mẹ cháu trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phải đảm bảo được các điều kiện cơ bản tốt nhất để giúp cháu tiếp tục được học tập, nhận được sự chăm sóc tốt nhằm đảm bảo được các nhu cầu thiết yếu của cháu; đảm bảo cháu phát triển, hoàn thiện về thể chất, tinh thần và nhận thức ở mức cao nhất.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Tạ Ngọc Huy, sinh ngày 11/8/2018 cho anh Tạ Ngọc H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Huy tHnh niên là phù hợp với khả năng thực tế cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của anh H; phù hợp với thực tế quá trình trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Huy tính đến trước thời điểm xét xử vụ án; đảm bảo tính công bằng trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, trong đó có quyền được thỏa mãn, đáp ứng các nhu cầu về tình cảm giữa cha mẹ đối với con, ông bà đối với cháu. Đồng thời, đáp ứng được các nhu cầu thiết yếu của cháu, để cháu tiếp tục được học tập, được hưởng các đảm bảo về sự chăm sóc cá nhân và nhu cầu cơ bản khác, từ đó, cháu có điều kiện được phát triển, hoàn thiện về thể chất, tinh thần và nhận thức ở mức cao nhất.

- Về cấp dưỡng cho con: Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Tạ Ngọc H không yêu cầu xem xét, phân chia tài sản chung của vợ chồng và trình bày hiện nay vợ chồng không có các khoản nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Các đương sự có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 235, 264, 266 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Tạ Ngọc H. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ thời điểm Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao cháu Tạ Ngọc Huy, sinh ngày 11/8/2018 cho anh Tạ Ngọc H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Huy tHnh niên.

Chị Nguyễn Thị D không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa tHnh niên được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Tòa án có thể xem xét, quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật, nếu có yêu cầu.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003070 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được quy định tại Điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (*để thi Hnh*);
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Viện KSND huyện Nông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nông Sơn;
- UBND xã QT, Nông Sơn;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Phúc